THCS Thanh Đa
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

**Số 7**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 10 năm 2023*

| THỨ | TIẾT | 6A1 (Cô Quỳnh) | 6A2 (Cô Bích) | 6A3 (Cô Như) | 6A4 (Cô Trang) | 6A5 (Cô Hằng-MT) | 6A6 (Cô T.Mai) | 6A7 (Cô Phượng) | 7A1 (Cô V.Anh) | 7A2 (Thầy Tùng) | 7A3 (Cô Tâm) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | Kĩ năng sống - KNS | KHTN - Thầy Cường-TG | Văn - Cô Như | Toán - Cô Phú | LS-ĐL - Cô N.Hà | Nghệ thuật(Nhạc) - Thầy Khanh | NNgữ - Cô Vân | GDCD - Cô Ngân-TG | Nghệ thuật(Nhạc) - Cô Minh | KHTN - Cô Tâm |
| | 2 | Văn - Cô Như | KHTN - Thầy Cường-TG | AV giao tiếp - TANN | Toán - Cô Phú | GD thể chất - Cô Ngân-TD | Văn - Cô T.Mai | NNgữ - Cô Vân | KHTN - Cô Tâm | GDCD - Cô Ngân-TG | Kĩ năng sống - KNS |
| | 3 | AV giao tiếp - TANN | LS-ĐL - Cô N.Hà | NNgữ - Cô Bích | KHTN - Cô Dung | Văn - Cô Như | Văn - Cô T.Mai | HĐTNHN - Cô Phượng | Toán - Thầy Dũng | Toán - Thầy Tùng | NNgữ - Cô Vân |
| | 4 | Toán - Cô Phú | LS-ĐL - Cô N.Hà | NNgữ - Cô Bích | Văn - Cô Trang | Văn - Cô Như | KHTN - Cô Tâm | AV giao tiếp - TANN | Toán - Thầy Dũng | Toán - Thầy Tùng | HĐTNHN - Thầy Hùng |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | STEM 2 - STEM 2 | Văn - Cô Trang | HĐTNHN - Cô Đào | NNgữ - Cô Bích | KHTN - Cô Dung | KHTN - Cô Tâm | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | Kĩ năng sống - KNS | Tin QT2 - THQT-2 | Văn - Cô-Dung-V-TG |
| | 2 | KHTN - Thầy Cường-TG | Văn - Cô Trang | Văn - Cô Như | NNgữ - Cô Bích | KHTN - Cô Dung | KHTN - Cô Tâm | Văn - Cô T.Mai | Nghệ thuật(Nhạc) - Cô Minh | Nghệ thuật(MT) - Cô Sim | GDCD - Cô Ngân-TG |
| | 3 | GDCD - Cô Đào | KHTN - Thầy Cường-TG | Kĩ năng sống - KNS | Văn - Cô Trang | STEM 2 - STEM 2 | HĐTNHN - Cô T.Mai | GDĐP - Cô Sim | KHTN - Cô Tâm | Văn - Cô-Dung-V-TG | GD thể chất - Thầy Hưng |
| | 4 | | | | | | | | Tin QT2 - THQT-2 | Văn - Cô-Dung-V-TG | GD thể chất - Thầy Hưng |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | KHTN - Thầy Cường-TG | AV giao tiếp - TANN | THQT - THQT | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | NNgữ - Cô Vân | Toán - Cô Phượng | KHTN - Cô Trúc-TG | Toán - Thầy Dũng | KHTN - Cô Ngọc-KHTN-TG | Toán - Thầy Tùng |
| | 2 | KHTN - Thầy Cường-TG | LS-ĐL - Cô N.Hà | STEM 2 - STEM 2 | HĐTNHN - Cô Thuỷ-HT | THQT - THQT | Toán - Cô Phượng | KHTN - Cô Trúc-TG | NNgữ - Cô K.Loan | KHTN - Cô Ngọc-KHTN-TG | Toán - Thầy Tùng |
| | 3 | GD thể chất - Cô Ngân-TD | STEM 2 - STEM 2 | KHTN - Cô Trúc-TG | THQT - THQT | Toán - Thầy Dũng | NNgữ - Cô Vân | Toán - Cô Phượng | GDĐP - Thầy Vũ | Toán - Thầy Tùng | Văn - Cô-Dung-V-TG |
| | 4 | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | THQT - THQT | KHTN - Cô Trúc-TG | GDCD - Cô Đào | AV giao tiếp - TANN | STEM 2 - STEM 2 | Toán - Cô Phượng | HĐTNHN - Thầy Hưng | CNghệ - Cô V.Anh | Văn - Cô-Dung-V-TG |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | LS-ĐL - Cô Quỳnh | Toán - Thầy Dũng | NNgữ - Cô Bích | KHTN - Cô Dung | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | NNgữ - Cô Vân | THQT - THQT | Văn - Cô Linh | NNgữ - Thầy Vũ | Văn - Cô-Dung-V-TG |
| | 2 | THQT - THQT | HĐTNHN - Cô Bích | Nghệ thuật(Nhạc) - Cô Minh | KHTN - Cô Dung | Toán - Thầy Dũng | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | STEM 2 - STEM 2 | STEM - STEM | Văn - Cô-Dung-V-TG | KHTN - Cô Tâm |
| | 3 | Toán - Cô Phú | Văn - Cô Trang | LS-ĐL - Cô N.Hà | STEM 2 - STEM 2 | Toán - Thầy Dũng | THQT - THQT | NNgữ - Cô Vân | KHTN - Cô Tâm | Văn - Cô-Dung-V-TG | LS-ĐL - Cô Quỳnh |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Toán - Cô Phú | Toán - Thầy Dũng | Toán - Thầy Quyết | LS-ĐL - Cô N.Hà | GD thể chất - Cô Ngân-TD | Văn - Cô T.Mai | Toán - Cô Phượng | Văn - Cô Linh | STEM - STEM | CNghệ - Cô V.Anh |
| | 2 | KHTN - Thầy Cường-TG | Toán - Thầy Dũng | GD thể chất - Cô Ngân-TD | Toán - Cô Phú | Văn - Cô Như | Toán - Cô Phượng | LS-ĐL - Cô N.Hà | GD thể chất - Thầy Hưng | Kĩ năng sống - KNS | Tin QT2 - THQT-2 |
| | 3 | GD thể chất - Cô Ngân-TD | KHTN - Thầy Cường-TG | Văn - Cô Như | CNghệ - Cô V.Anh | KHTN - Cô Dung | Toán - Cô Phượng | Văn - Cô T.Mai | GD thể chất - Thầy Hưng | HĐTNHN - Cô Phú | STEM - STEM |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

THCS Thanh Đa
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

**Số 7**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 10 năm 2023*

| THỨ | TIẾT | 7A4 (Cô Anh) | 7A5 (Cô Ngọc) | 7A6 (Cô Vân) | 8A1 (Cô Thủy) | 8A2 (Cô Hân) | 8A3 (Cô Trang-AV) | 8A4 (Cô Hằng) | 9A1 (Cô Hạnh) | 9A2 (Cô T.Loan) | 9A3 (Cô Linh) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | Toán - Thầy Dũng | GD thể chất - Cô Ngân-TD | KHTN - Cô Anh | THQT - THQT | Văn - Cô Trang | Toán - Thầy Tùng | CNghệ - Cô Hân | AV giao tiếp - TANN2 | NNgữ - Cô Trang-AV | Hóa - Cô T.Loan |
| | 2 | Toán - Thầy Dũng | AV giao tiếp - TANN2 | Toán - Cô Thủy | CNghệ - Cô Hân | THQT - THQT | Toán - Thầy Tùng | NNgữ - Cô K.Loan | Sử - Cô Hằng | NNgữ - Cô Trang-AV | GD thể chất - Thầy Hùng |
| | 3 | KHTN - Cô Anh | NNgữ - Cô K.Loan | Nghệ thuật(Nhạc) - Cô Minh | Văn - Cô Trang | Toán - Cô Thủy | THQT - THQT | Kĩ năng sống - KNS | STEM 2 - STEM 2 | Hóa - Cô T.Loan | Toán - Cô Phú |
| | 4 | Nghệ thuật(Nhạc) - Cô Minh | NNgữ - Cô K.Loan | NNgữ - Cô Vân | KHTN - Cô Dung | Toán - Cô Thủy | Kĩ năng sống - KNS | THQT - THQT | Hóa - Cô T.Loan | AV giao tiếp - TANN2 | Sinh - Cô Anh |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | KHTN - Cô Anh | GDCD - Cô Ngân-TG | NNgữ - Cô Vân | HĐTNHN - Cô Minh | NNgữ - Cô K.Loan | Văn - Cô T.Mai | CNghệ - Cô Hân | Hóa - Cô T.Loan | NNgữ - Cô Trang-AV | Văn - Cô Linh |
| | 2 | Tin QT2 - THQT-2 | GDĐP - Thầy Vũ | NNgữ - Cô Vân | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | Kĩ năng sống - KNS | KHTN - Cô Tuyến | Văn - Cô-Dung-V-TG | GD thể chất - Thầy Hùng | STEM 2 - STEM 2 | Văn - Cô Linh |
| | 3 | Văn - Cô Như | Tin QT2 - THQT-2 | Văn - Cô Ngọc | GDCD - Cô Ngân-TG | CNghệ - Cô Hân | NNgữ - Cô Trang-AV | NNgữ - Cô K.Loan | GD thể chất - Thầy Hùng | Sinh - Cô Anh | Nghệ thuật(Nhạc) - Thầy Khanh |
| | 4 | Văn - Cô Như | Nghệ thuật(MT) - Cô Sim | GDCD - Cô Ngân-TG | GD thể chất - Thầy Hùng | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | NNgữ - Cô Trang-AV | NNgữ - Cô K.Loan | NNgữ - Thầy Vũ | Lí - Cô Tuyến | Sinh - Cô Anh |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | Kĩ năng sống - KNS | CNghệ - Cô V.Anh | Toán - Cô Thủy | NNgữ - Cô Trang-AV | NNgữ - Cô K.Loan | LS-ĐL - Cô Hằng | Văn - Cô-Dung-V-TG | Toán - Thầy Quyết | Địa - Cô Nhơn | STEM 2 - STEM 2 |
| | 2 | CNghệ - Cô V.Anh | GD thể chất - Cô Ngân-TD | GD thể chất - Thầy Hùng | Toán - Cô Thủy | AV giao tiếp - TANN | LS-ĐL - Cô Hằng | Văn - Cô-Dung-V-TG | Toán - Thầy Quyết | GDCD - Cô Đào | Kĩ năng sống - KNS |
| | 3 | NNgữ - Cô K.Loan | KHTN - Cô Ngọc-KHTN-TG | GD thể chất - Thầy Hùng | AV giao tiếp - TANN | LS-ĐL - Cô N.Hà | NNgữ - Cô Trang-AV | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | GDCD - Cô Đào | Toán - Cô Phú | Địa - Cô Nhơn |
| | 4 | NNgữ - Cô K.Loan | Toán - Cô Thủy | NNgữ - Cô Vân | Kĩ năng sống - KNS | LS-ĐL - Cô N.Hà | GD thể chất - Thầy Hùng | Toán - Thầy Tùng | Địa - Cô Nhơn | Toán - Cô Phú | NNgữ - Thầy Vũ |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | HĐTNHN - Cô K.Loan | Kĩ năng sống - KNS | STEM - STEM | LS-ĐL - Cô N.Hà | Văn - Cô Trang | GDCD - Cô Ngân-TG | Toán - Thầy Tùng | Toán - Thầy Quyết | Toán - Cô Phú | Địa - Cô Nhơn |
| | 2 | GDCD - Cô Ngân-TG | Văn - Cô Ngọc | Toán - Cô Thủy | LS-ĐL - Cô N.Hà | Văn - Cô Trang | NNgữ - Cô Trang-AV | KHTN - Cô T.Loan | Toán - Thầy Quyết | Toán - Cô Phú | NNgữ - Thầy Vũ |
| | 3 | NNgữ - Cô K.Loan | STEM - STEM | Kĩ năng sống - KNS | Toán - Cô Thủy | GDCD - Cô Ngân-TG | Toán - Thầy Tùng | Nghệ thuật(Nhạc) - Cô Minh | NNgữ - Thầy Vũ | Sinh - Cô Anh | Văn - Cô Linh |
| | 4 | | | | Toán - Cô Thủy | KHTN - Cô Dung | Nghệ thuật(MT) - Cô Hằng-MT | GDCD - Cô Ngân-TG | Sinh - Cô Anh | Địa - Cô Nhơn | Toán - Cô Phú |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | LS-ĐL - Cô Quỳnh | Văn - Cô Ngọc | Tin QT2 - THQT-2 | Toán - Cô Thủy | HĐTNHN - Cô Hân | KHTN - Cô Tuyến | Toán - Thầy Tùng | Kĩ năng sống - KNS | Văn - Cô Hạnh | GDCD - Cô Đào |
| | 2 | KHTN - Cô Anh | Văn - Cô Ngọc | LS-ĐL - Cô Quỳnh | KHTN - Cô Dung | STEM - STEM | Văn - Cô T.Mai | Toán - Thầy Tùng | Tin - Cô Thảo | Hóa - Cô T.Loan | Sử - Cô Hằng |
| | 3 | Toán - Thầy Dũng | HĐTNHN - Cô Ngọc | LS-ĐL - Cô Quỳnh | Tin - Cô Thảo | Toán - Cô Thủy | Toán - Thầy Tùng | HĐTNHN - Cô Hằng | NGLL - Cô Hạnh | NGLL - Cô T.Loan | NGLL - Cô Linh |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

THCS Thanh Đa
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

**Số 7**

*Thực hiện từ ngày 16 tháng 10 năm 2023*

| THỨ | TIẾT | 9A4 (Cô Đào) | 9A5 (Thầy Quyết) | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | Văn - Cô Linh | Văn - Cô Ngọc | | | | | | | | |
| | 2 | Văn - Cô Linh | Văn - Cô Ngọc | | | | | | | | |
| | 3 | Sử - Cô Hằng | AV giao tiếp - T.ANN2 | | | | | | | | |
| | 4 | Toán - Cô Phượng | STEM 2 - STEM 2 | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | Lí - Cô Tuyến | Văn - Cô Ngọc | | | | | | | | |
| | 2 | Sinh - Cô Anh | Văn - Cô Ngọc | | | | | | | | |
| | 3 | Văn - Cô Linh | Hóa - Cô T.Loan | | | | | | | | |
| | 4 | Hóa - Cô T.Loan | Kĩ năng sống - KNS | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | GD thể chất - Thầy Hùng | GDCD - Cô Đào | | | | | | | | |
| | 2 | GD thể chất - Thầy Hùng | Địa - Cô Nhơn | | | | | | | | |
| | 3 | Kĩ năng sống - KNS | Toán - Thầy Quyết | | | | | | | | |
| | 4 | NNgữ - Cô Trang-AV | Toán - Thầy Quyết | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | NNgữ - Cô Trang-AV | Văn - Cô Ngọc | | | | | | | | |
| | 2 | Văn - Cô Linh | Sinh - Cô Anh | | | | | | | | |
| | 3 | Địa - Cô Nhơn | Hóa - Cô T.Loan | | | | | | | | |
| | 4 | STEM 2 - STEM 2 | NNgữ - Thầy Vũ | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Sinh - Cô Anh | Sử - Cô Hằng | | | | | | | | |
| | 2 | CNghệ - Cô Hân | Lí - Cô Tuyến | | | | | | | | |
| | 3 | NGLL - Cô Đào | NGLL - Thầy Quyết | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |